

Số: 24./2025/NQ-ĐHĐCĐ

Tây Ninh, ngày 24. tháng 6. năm 2025

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

(V/v thông qua điều chỉnh ngành nghề kinh doanh để đảm bảo duy trì tỷ lệ sở hữu nước ngoài 100%)
(được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thực thi;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (“**Luật Chứng khoán 2019**”);
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 (“**Nghị định 155**”);
- Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 (“**Nghị định 31**”);
- Căn cứ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 (“**Dự thảo sửa đổi Nghị định 155**”);
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 01./2025/BBKP-ĐHĐCĐ ngày 24./6./2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh ngành nghề

- Điều chỉnh một số ngành nghề của Công ty được thể hiện tại Phụ lục 01 đính kèm Nghị quyết này.
- Đối với các ngành nghề không được điều chỉnh theo Phụ lục 01, thì vẫn được giữ nguyên như Điều lệ hiện hành.

2. Sửa đổi Điều lệ Công ty

Sửa đổi khoản 1 Điều 3 của Điều lệ Công ty phản ánh việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh nêu trên.

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

- Quyết định lựa chọn thời điểm và thực hiện thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh phù hợp theo quy định pháp luật;
- Thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến sửa đổi Điều lệ Công ty (nếu có).
- Thực hiện các thủ tục pháp lý để điều chỉnh nội dung đăng ký doanh nghiệp để phản ánh việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh nêu trên.

Điều 2. Điều khoản thi hành

- Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.



2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban, bộ phận liên quan của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT;
- Thành viên Ban TGD;
- Lưu TKCT.



ĐẶNG HUỲNH ỨC MY

PHỤ LỤC 01 – DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH ĐIỀU CHỈNH

STT	Mã ngành (VSIC)	Ngành nghề kinh doanh (hiện tại)	Ngành nghề kinh doanh (sau điều chỉnh)
1	3511	Sản xuất điện	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất điện sinh khối và điện năng lượng mặt trời, không bao gồm hoạt động sản xuất thủy điện, điện gió ngoài khơi và năng lượng hạt nhân.
2	3512	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: phân phối điện	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Phân phối điện tự sản xuất, không bao gồm hoạt động phân phối thủy điện, điện gió ngoài khơi và năng lượng hạt nhân; không thực hiện dịch vụ phân phối điện cho bên thứ ba.
3	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Theo quy định tại điều Khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014;	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023.
4	2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	Loại bỏ ngành nghề này.
5	4101	Xây dựng nhà để ở	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: Xây dựng tất cả các loại nhà để ở, bao gồm: - Thi công xây dựng nhà cao tầng (CPC 512); - Công tác hoàn thiện công trình nhà cao tầng (CPC 517).
6	4102	Xây dựng nhà không để ở	Xây dựng nhà không để ở Chi tiết: Xây dựng tất cả các loại nhà không để ở, bao gồm: - Nhà xưởng phục vụ sản xuất công nghiệp, thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513); - Công tác lắp dựng và lắp đặt (CPC 514, 516).
7	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

STT	Mã ngành (VSIC)	Ngành nghề kinh doanh (hiện tại)	Ngành nghề kinh doanh (sau điều chỉnh)
		Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng (siêu thị, nhà hàng, khách sạn)	Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm: - Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513); - Công tác lắp dựng và lắp đặt (CPC 514, 516) - Các công tác thi công khác (CPC 511, 515, 518).
8	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với vật phẩm đã ghi hình.
9	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu (trừ lúa gạo, gỗ, tre, nứa và mủ cao su).	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với lúa gạo, đường mía, đường củ cải, gỗ, tre, nứa, mủ cao su, thuốc lá
10	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại; Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ bán lẻ thuốc lá, thuốc láo, xì gà, đường, lúa gạo).	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại; Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với thuốc lá, thuốc láo, xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, đường mía, đường củ cải, lúa gạo.
11	0141	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò Chi tiết: Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò; không bao gồm hoạt động nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn

STT	Mã ngành (VSIC)	Ngành nghề kinh doanh (hiện tại)	Ngành nghề kinh doanh (sau điều chỉnh)
			gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) thẩm định, đánh giá.
12	0142	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa Chi tiết: Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa; không bao gồm hoạt động nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) thẩm định, đánh giá.
13	0144	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai Chi tiết: Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai; không bao gồm hoạt động nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) thẩm định, đánh giá.
14	0145	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn Chi tiết: Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn, không bao gồm hoạt động nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) thẩm định, đánh giá.
15	0146	Chăn nuôi gia cầm	Chăn nuôi gia cầm Chi tiết: Chăn nuôi gia cầm, không bao gồm hoạt động nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) thẩm định, đánh giá.
16	0149	Chăn nuôi khác	Chăn nuôi khác Chi tiết: Chăn nuôi khác, không bao gồm hoạt động nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) thẩm định, đánh giá.

STT	Mã ngành (VSIC)	Ngành nghề kinh doanh (hiện tại)	Ngành nghề kinh doanh (sau điều chỉnh)
			triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) thẩm định, đánh giá.
17	0150	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp Chi tiết: Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; không bao gồm hoạt động nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) thẩm định, đánh giá.
18	6311	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin, cho thuê máy chủ.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin, cho thuê máy chủ; không bao gồm dịch vụ bưu chính, viễn thông.

